TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 602/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Hồng Hạnh;

Bà Lê Thị Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lường Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 734/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1824/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số B N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K - Chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 3449/2025/UQ-TGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ N; Địa chỉ: 1 đường Đ, Khu phố F (cũ), phường Đ (Phường Đ, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/5/2018, bà Hồ Thị Mỹ N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Hồ Thị

Mỹ N, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng từng thời điểm khác nhau và các loại phí liên quan đến thẻ (Điều 22, Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hồ Thị Mỹ N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 68.620.228 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hồ Thị Mỹ N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 49.402.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Thứ tự thanh toán theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do bà Hồ Thị Mỹ N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hồ Thị Mỹ N vẫn không có thiện chí trả nợ nên từ ngày 23/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 28.624.564 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Ngân hàng đã yêu cầu bà Hồ Thị Mỹ N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Hồ Thị Mỹ N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng TMCP S yêu cầu cá nhân bà Hồ Thị Mỹ N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 05/9/2025 là 108.444.304 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.624.564 đồng; lãi quá hạn là 79.819.740 đồng. Ngoài ra, bà Hồ Thị Mỹ N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/9/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thị Mỹ N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Nhật Kinh K vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền còn nợ đến ngày 05/9/2025 là 108.444.304 đồng, trong đó: Nợ gốc là 28.624.564 đồng; lãi quá hạn là 79.819.740 đồng. Ngoài ra, bà Hồ Thị Mỹ N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/9/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Hồ Thị Mỹ N có giao kết hợp đồng tín dụng (theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng" ký ngày 28/5/2018 với Ngân hàng TMCP S và đã được Ngân hàng phê duyệt). Do bà N vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường Đ, Quận A (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bà Hồ Thị Mỹ N có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 12/5/9 đường Đ, Khu phố F, phường Đ, Quận A (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) từ năm 2023 đến nay, thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Toà án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Nhật K1 K là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà Hồ Thị Mỹ N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Hồ Thị Mỹ N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, số thẻ tín dụng 486265-4519 tính đến ngày xét xử sở thẩm 05/9/2025 là 28.624.564 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 28/5/2018 bà Hồ Thị Mỹ N có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng S1 (gọi tắt là thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S (theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng" do bà N ký ngày 28/5/2018), được Ngân hàng phê duyệt với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Theo Điều 2 của bản "Điều khoản và điều kiện phát hành và

sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S", bản tóm tắt sao kê ngày 05/9/2025 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bị đơn đã nhận được thẻ và đã phát sinh giao dịch lần đầu vào ngày 22/6/2018. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 68.620.228 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 49.402.000 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 22/7/2019 thì ngưng. Đến ngày 22/10/2019, bà N còn nợ Ngân hàng là 28.624.564 đồng (gồm cả gốc và lãi theo Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp) và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ đó sang nợ quá hạn, nên đến hiện tại, bà N còn nợ số tiền gốc là 28.624.564 đồng. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng được quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì bà N phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại Điều 22 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng bà N không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2025 là 79.819.740 đồng theo bảng Tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 06/9/2025 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Hồ Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ gồm gốc và lãi quá hạn của thẻ tín dụng S1 theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng" được Ngân hàng TMCP S phê duyệt.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

1.1. Buộc bà Hồ Thị Mỹ N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 05/9/2025 phát sinh từ thẻ tín dụng số 486265-4519 theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng" ngày 28/5/2018 được Ngân hàng thương mại cổ phần S phê duyệt là 108.444.304 đồng (Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.624.564 đồng; lãi quá hạn là 79.819.740 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hồ Thị Mỹ N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Hồ Thị Mỹ N phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 5.422.215 đồng (Năm triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm mười lăm đồng) do bà Hồ Thị Mỹ N chịu;

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.040.362 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu số 0035741 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND KV7 - TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp